

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUẬN BẮC  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2022

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC - TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Minh Đăng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Kator Thị Quanh

2. Ông Đoàn Đức Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Việt Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc - tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Duy Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tr Th M L Th, sinh năm: 1970 (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Ng Th B, sinh năm: 1967 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn G S, xã B Ph, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Tr Th M L Th trình bày: Bà và ông Ng T B đã tìm hiểu và tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hộ Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 08/5/1992. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại xã B P và có 02 người con chung đã thành niên tên: Ng Th L, sinh năm 1993 và Ng T L, sinh năm 1999. Trong cuộc sống vợ chồng do không tìm hiểu trước khi cưới nên thường xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, ông Bình không biết quan tâm chăm sóc vợ con, không lo cho gia đình. Vợ chồng sống ly thân gần 03 năm. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Về con chung: Do con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn:* Ông Ng V B được thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng

mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

*Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc thể hiện:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử luôn tuân theo pháp luật tố tụng và người tham gia tố tụng là nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn cố tình vắng mặt nhưng không có lý do. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tr Th M L Th về việc ly hôn với ông Ng Th B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bà Th phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Tr Th M L Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Ng Th B. Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện Thuận Bắc. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), HĐXX xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

[2] Tòa án ra thông báo về việc thụ lý vụ án và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là ông B. Thông báo có ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (*Yêu cầu ly hôn*). Chứng cứ kèm theo là bản sao Giấy chứng nhận kết hôn và sổ hộ khẩu, giấy khai sinh. Tuy nhiên, trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự ông B không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không phản đối chứng cứ do bà Th cung cấp (*khoản 2 điều 92 của BLTTDS*). Sau khi thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông Bình vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Tr Th M L Th và ông Ng Th B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hộ Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 08/5/1992, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà Th và ông B sống chung với nhau và có 02 người con chung. Theo Biên bản lấy lời khai của bà Th, ngày 28/4/2022 (BL 27) có trong hồ sơ vụ án của Tòa án thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Th và ông B có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân hơn 03 năm lý do mâu thuẫn do vợ chồng không có thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, ông B không quan tâm đến vợ con, gia đình. Bà Th cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Những nội dung này phù

hợp với Biên bản xác minh tại địa phương nơi đương sự cư trú (Bút lục 25, 26). Từ những nhận định trên, HĐXX xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông B đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc xin ly hôn ông Ng Th B.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Th phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Tr Th M L Th được ly hôn với ông Ng V B

2. Về án phí: Bà Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai số 0000140 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Bắc. Bà Th đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2022). Riêng bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, được niêm yết, tổng đạt hợp lệ Bản án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thuận Bắc;
- UBND xã Hộ Hải (Cơ quan thực hiện việc ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Ngô Minh Đăng**

